

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1709/SNV-TCBC ngày 20/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

ĐỀ ÁN

**Sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi
vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

**I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRƯỚC KHI TỔ CHỨC LẠI**

1. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn được kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, bộ máy tại Quyết định số 1151/QĐ-UB ngày 22/6/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh; là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm 2023, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động.

Trung tâm có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý sự nghiệp về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tư vấn, chuyển giao công nghệ và dịch vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Trung tâm như sau:

1.1. Cơ sở vật chất:

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, địa chỉ trụ sở văn phòng: Số 08 Lê Văn Hưu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Văn phòng Trung tâm có diện tích đất là 3.003 m², có khu nhà làm việc 2 tầng, các khu nhà cấp 4, các công trình phụ trợ và khu nhà tập thể. Trung tâm đã được sửa chữa nâng cấp năm 1999 và năm 2020.

Hiện nay, Trung tâm đang quản lý, vận hành 12 chi nhánh cấp nước ở các huyện trên địa bàn tỉnh, với tổng diện tích đất được giao là 186.968 m²; diện tích đất sử dụng xây dựng nhà làm việc, các nhà vận hành và các công trình phụ trợ là 82.621,9 m². Nhìn chung các chi nhánh được xây dựng và bố trí đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ quản lý vận hành; hiện đang cung cấp nước sạch đảm bảo quy định của Bộ Y tế cho hơn 59.000 hộ dân ở nông thôn trên địa bàn tỉnh.

1.2. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng:

a) Cơ cấu tổ chức:

Trung tâm có Giám đốc, 02 Phó Giám đốc; 05 Phòng, Trạm và 12 Chi nhánh, gồm:

- Phòng Tổ chức hành chính;
- Phòng Kế hoạch kỹ thuật;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Quản lý dự án;
- Trạm Tư vấn dịch vụ và chuyển giao công nghệ;
- Chi nhánh cấp nước Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa;
- Chi nhánh cấp nước xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa;
- Chi nhánh cấp nước xã Định Tường, huyện Yên Định;
- Chi nhánh cấp nước xã Định Long, Định Liên, huyện Yên Định;
- Chi nhánh cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống;
- Chi nhánh cấp nước xã Vĩnh Thành và thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc;
- Chi nhánh cấp nước xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc;
- Chi nhánh cấp nước cho 7 xã huyện Hậu Lộc;
- Chi nhánh cấp nước cho 9 xã huyện Nga Sơn;
- Chi nhánh cấp nước cho 8 xã huyện Hoằng Hóa;
- Chi nhánh cấp nước xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy;
- Chi nhánh cấp nước xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc.

Trạm Tư vấn dịch vụ và chuyển giao công nghệ có 04 tổ, gồm:

- + Tổ xây lắp, sửa chữa;
- + Tổ tư vấn chuyển giao công nghệ cấp nước;
- + Tổ phân tích chất lượng nước;
- + Tổ sản xuất dịch vụ, kiểm định đồng hồ.

b) Số lượng người làm việc (biên chế), lao động hợp đồng của đơn vị:

- Số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao: không.

- Số lượng viên chức và lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp hiện có: 156 người (viên chức: 47 người; lao động hợp đồng làm chuyên

môn, nghiệp vụ: 108 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68: 01 người); được bố trí như sau:

+ Phòng Tổ chức hành chính: 07 người (Trưởng phòng, 04 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 02 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Phòng Kế hoạch kỹ thuật: 05 người (Phụ trách phòng, 04 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Phòng Tài chính kế toán: 05 người (Phụ trách phòng, 03 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 01 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Phòng Quản lý dự án: 05 người (Phụ trách phòng, 03 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 01 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Trạm Tư vấn dịch vụ và chuyển giao công nghệ: 06 người (Phụ trách trạm, 03 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa: 05 người (Phụ trách chi nhánh, 04 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa: 05 người (Phụ trách chi nhánh, 04 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Định Tường, huyện Yên Định: 06 người (Phụ trách chi nhánh, 05 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Định Long, Định Liên, huyện Yên Định: 05 người (Phụ trách chi nhánh, 04 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống: 02 người (Phụ trách chi nhánh, 01 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Vĩnh Thành và thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc: 05 người (Phụ trách chi nhánh, 01 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 03 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc: 06 người (Phụ trách chi nhánh, 05 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước cho 7 xã huyện Hậu Lộc: 25 người (Phụ trách chi nhánh, 01 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 23 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước cho 9 xã huyện Nga Sơn: 25 người (Phụ trách chi nhánh, 01 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 23 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước cho 8 xã huyện Hoằng Hóa: 20 người (Phụ trách chi nhánh, 01 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 18 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy: 08 người (Phụ trách chi nhánh, 01 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, 06 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Chi nhánh cấp nước xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc: 04 người (Phụ trách chi nhánh, 03 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Các tổ thuộc Trạm: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:

+ Tiến sĩ: 00 người = 00 %;

+ Thạc sĩ: 04 người = 2,6 %;

+ Đại học: 70 người = 44,9 %;

+ Cao đẳng: 34 người = 21,8 %;

+ Trung cấp: 26 người = 16,7 %;

+ Sơ cấp nghề: 22 người = 14,1 %.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cao cấp: 01 người = 0,6 %;

+ Trung cấp: 10 người = 6,4 %;

+ Chưa qua đào tạo: 145 người = 93 %.

- Về cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp:

+ Chuyên viên cao cấp, viên chức hạng I: 0 người = 0 %;

+ Chuyên viên chính, viên chức hạng II: 02 người = 1,3 %;

+ Chuyên viên, viên chức hạng III: 39 người = 25,0 %;

+ Cán sự, viên chức hạng IV: 06 người = 3,8 %;

+ Nhân viên: 109 người = 69,9 %.

2. Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi

Đoàn Quy hoạch - Khảo sát và thiết kế thủy lợi đổi tên thành Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 25/3/2013 và được kiện toàn vị trí pháp lý và cơ cấu tổ chức tại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động.

Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về định hướng chiến lược quy

hoạch thủy lợi, thủy sản và các cơ chế, chính sách, giải pháp thuộc lĩnh vực quy hoạch thủy lợi, thủy sản; nghiên cứu và lập các đề án, dự án về lĩnh vực quy hoạch thủy lợi, thủy sản; lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết theo vùng lãnh thổ về thủy lợi, thủy sản; thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch thủy lợi, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thực trạng cơ sở vật chất, tổ chức và hoạt động của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi như sau:

2.1. Cơ sở vật chất:

Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi có trụ sở làm việc tại số 06 đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tổng diện tích được cấp là 3.029,55 m², có khu nhà làm việc 1 tầng, các khu nhà cấp 4, các công trình phụ trợ, khu nhà tập thể và trang thiết bị máy móc, phương tiện làm việc.

2.2. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng:

a) Cơ cấu tổ chức:

Đoàn có Trưởng đoàn, 01 Phó Trưởng đoàn và 02 phòng:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Quy hoạch, khảo sát và thiết kế.

b) Số lượng người làm việc (biên chế), lao động hợp đồng:

- Số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao: không.

- Số lượng viên chức và lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, hiện có: 23 người (03 viên chức, 20 lao động hợp đồng), cụ thể:

+ Lãnh đạo: Trưởng đoàn và 01 Phó Trưởng đoàn;

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp: 03 người (Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 01 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ);

+ Phòng Quy hoạch, khảo sát và thiết kế: 18 người (01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 15 lao động hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ).

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:

+ Thạc sĩ: 03 người = 13,04%;

+ Đại học: 17 người = 73,91%;

+ Cao đẳng: 01 người = 4,35%;

+ Trung cấp: 02 người = 8,70%.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cao cấp, cử nhân: 01 người = 4,35%;

+ Trung cấp: 01 người = 4,35%;

+ Chưa qua đào tạo: 21 người = 91,30%.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và Đoàn Quy hoạch và thiết kế Thủy lợi có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tương đồng, theo yêu cầu đổi mới hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, để bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp phó, tập trung lực lượng và thuận lợi trong việc quản lý, chỉ đạo nhiệm vụ chuyên môn, việc xây dựng Đề án sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cần thiết và phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

2. Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

3. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

6. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

7. Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

8. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

9. Thông tư liên tịch số 79/2009/TT-BNNPTNT-BNV ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

10. Thông tư số 30/2016/TT-BNNPTNT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

11. Quyết định số 4826/QĐ-BNNPTNT-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bộ chỉ số Theo dõi -

Đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn triển khai;

12. Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý;

13. Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, giai đoạn 2021 - 2025;

14. Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025;

15. Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

16. Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, giai đoạn 2022 - 2026;

17. Quyết định số 1151/QĐ-UB ngày 22/6/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, bộ máy của Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn;

18. Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đổi tên Đoàn Quy hoạch khảo sát và thiết kế Thủy lợi thành Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi;

19. Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung nhiệm vụ Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn;

20. Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn vị trí pháp lý và cơ cấu tổ chức của Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ DANH MỤC SỰ NGHIỆP CÔNG DỰ KIẾN CUNG CẤP SAU KHI SÁP NHẬP

I. MỤC TIÊU

Sắp xếp, tổ chức lại Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi và sáp nhập vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn nhằm đảm bảo tinh gọn, giảm đầu mối, giảm cấp phó; hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Sau khi sáp nhập, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và địa bàn một số tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

III. DANH MỤC SỰ NGHIỆP CÔNG ĐƠN VỊ DỰ KIẾN CUNG CẤP

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tự chủ sử dụng tài sản và các nguồn lực của đơn vị để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng Ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước, danh mục dịch vụ sự nghiệp công đơn vị cung cấp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được cấp có thẩm quyền giao, đúng danh mục quy định tại khoản 4, Điều 3 và khoản 1, Điều 6 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; một số danh mục sự nghiệp công chủ yếu đơn vị dự kiến cung cấp, gồm:

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước

- Hoạt động điều tra, thu thập, cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn hằng năm.
- Hướng dẫn, hỗ trợ và thẩm định chỉ tiêu về nước sạch đối với các địa phương trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.
- Thu thập các số liệu, tài liệu, điều tra cơ bản phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
- Nghiên cứu, cập nhật, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ về thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ xây dựng các mô hình mẫu về cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.
- Hoạt động tập huấn, truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; cung cấp thông tin về chất lượng nước cho người dân.
- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực quản lý, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn.
- Hoạt động quản lý vận hành, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng Ngân sách nhà nước

- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với đồng hồ đo nước.
- Xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định về chất lượng nước sạch.

Phần thứ ba
NỘI DUNG SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

Sau khi sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm được sắp xếp, tổ chức lại như sau:

I. LOẠI HÌNH, TÊN GỌI CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Loại hình

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước; thực hiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn được tổ chức lại về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trên cơ sở sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm.

2. Tên gọi của đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.

II. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

1. Vị trí, chức năng

- Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng thực hiện cung cấp dịch vụ công về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện các hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trụ sở làm việc chính của Trung tâm đặt tại số 08 Lê Văn Hưu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Thực hiện các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đề xuất với Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm, trung hạn và hằng năm về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, phương thức quản lý, mô hình quản lý về hoạt động nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kế hoạch công tác năm và trung hạn, kế hoạch đầu tư xây dựng và chiến lược phát triển Trung tâm; chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chương trình, dự án thành phần về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động, hướng dẫn Nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn tại địa phương theo quy định của pháp luật; tổng hợp cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; thực hiện theo dõi, hướng dẫn và thẩm định chỉ tiêu về nước sạch đối với các xã, huyện về đích trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tham gia thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, điều tra, tổng hợp về thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

- Điều tra, thu thập, xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; kết quả thực hiện các chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Nghiên cứu, xây dựng các đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn khi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp có thẩm quyền giao, báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện hợp tác với các tổ chức trong nước, nước ngoài về nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao khoa học công nghệ về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, diêm nghiệp, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu, phù hợp với năng lực chuyên môn của Trung tâm;

tập huấn về công tác quản lý vận hành các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với đồng hồ đo nước theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định (theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước) về chất lượng nước theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện hoạt động tư vấn, dịch vụ trong các lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, bao gồm các công tác: Lập quy hoạch, rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch; khảo sát xây dựng; lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; thẩm tra thiết kế - dự toán xây dựng công trình; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; tư vấn giám sát, đánh giá dự án đầu tư; tư vấn đấu thầu; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình khi có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định.

- Thực hiện hoạt động tư vấn và dịch vụ về khoan thăm dò, khai thác nước ngầm, nước mặt; lập đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng, xin cấp phép khai thác nước dưới đất, nước mặt, nước biển; lập đề án, báo cáo xả thải vào nguồn nước; lập đề án bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; lập đề án, báo cáo, hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý các công trình thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn khi được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động.

- Tổ chức thi công xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông khi có đủ điều kiện năng lực hành nghề hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức tiếp nhận, trực tiếp quản lý và khai thác các dự án trong nước và của các tổ chức quốc tế tài trợ về nước sạch và vệ sinh môi trường do UBND tỉnh giao.

- Thực hiện sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch; quản lý, bảo vệ, sử dụng và khai thác công trình công trình nước sạch tập trung được giao; sản xuất, cung cấp nước uống đóng chai theo quy định pháp luật.

- Liên danh, liên kết cung cấp dịch vụ công; nhập khẩu thiết bị, vật tư, sản phẩm, công nghệ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn phù hợp với năng lực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư chương trình, dự án về

lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý các chương trình, dự án về lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp có thẩm quyền giao theo quy định pháp luật.

- Quản lý, tổ chức nhân sự, tài chính và tài sản của Trung tâm theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và khi được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

3.1. Cơ cấu tổ chức:

a) Lãnh đạo Trung tâm:

Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc; số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của UBND tỉnh.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định hiện hành của pháp luật và Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức, bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh.

b) 06 (sáu) phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Tổ chức hành chính (được tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất Phòng Tổ chức hành chính của Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và Phòng Hành chính - Tổng hợp của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi);

- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật;

- Phòng Tài chính - Kế toán;

- Phòng Quản lý dự án;

- Phòng Quy hoạch, khảo sát và thiết kế;

- Phòng Quản lý dịch vụ cấp nước (được đổi tên từ Trạm Tư vấn dịch vụ và Chuyển giao công nghệ).

c) 12 (mười hai) Chi nhánh cấp nước trực thuộc:

- Chi nhánh cấp nước Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa;

- Chi nhánh cấp nước xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa;

- Chi nhánh cấp nước xã Định Tường, huyện Yên Định;

- Chi nhánh cấp nước xã Định Long, Định Liên, huyện Yên Định;

- Chi nhánh cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống;

- Chi nhánh cấp nước xã Vĩnh Thành và thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc;
- Chi nhánh cấp nước xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc;
- Chi nhánh cấp nước cho 7 xã huyện Hậu Lộc;
- Chi nhánh cấp nước cho 9 xã huyện Nga Sơn;
- Chi nhánh cấp nước cho 8 xã huyện Hoằng Hóa;
- Chi nhánh cấp nước xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy;
- Chi nhánh cấp nước xã Nguyệt Án, huyện Ngọc Lặc.

Các phòng có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng, các Chi nhánh có Trưởng Chi nhánh và các Phó Trưởng chi nhánh; số lượng Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng chi nhánh thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của UBND tỉnh. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Trưởng Chi nhánh, Phó Trưởng chi nhánh do Giám đốc Trung tâm quyết định theo quy định hiện hành của pháp luật và Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức, bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh.

Nhiệm vụ của các phòng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm; nhiệm vụ của các Chi nhánh do Giám đốc Trung tâm quy định đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

3.2. Số lượng người làm việc:

Số lượng người làm việc của Trung tâm là số lượng người làm việc tự chủ của đơn vị. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn và nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, Trung tâm có trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

III. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ MỨC ĐỘ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo quy định tại Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính thực hiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của pháp luật.

IV. VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP TỔ CHỨC THEO QUY ĐỊNH

Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi đáp ứng đủ các tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp

công lập theo quy định của pháp luật và bảo đảm về số lượng người làm việc tối thiểu quy định. Sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, đảm bảo không làm giảm mức độ tự chủ về tài chính hiện có của đơn vị; xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước; có trụ sở làm việc, trang thiết bị cần thiết; nguồn nhân sự và kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thành lập theo quy định.

V. DỰ KIẾN NHÂN SỰ

1. Dự kiến nhân sự; vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

TT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp
	Lãnh đạo Trung tâm	04	
	Giám đốc	01	Hạng III
	Phó Giám đốc	03	Hạng III
	Phòng Tổ chức - Hành chính	08	
	Trưởng phòng	01	Hạng III
	Phó Trưởng phòng	02	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	03	Hạng III
	Văn thư kiêm Thủ quỹ	01	Hạng IV
	Lái xe kiêm hành chính	01	
	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	07	
	Trưởng phòng	01	Hạng III
	Phó Trưởng phòng	01	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	05	Hạng III
	Phòng Tài chính - Kế toán	07	
	Trưởng phòng	01	Hạng III
	Phó Trưởng phòng	01	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	05	Hạng III
	Phòng Quản lý dự án	07	
	Trưởng phòng	01	Hạng III

TT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp
	Phó Trưởng phòng	01	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	05	Hạng III
	Phòng Quy hoạch, khảo sát và thiết kế	13	
	Trưởng phòng	01	Hạng III
	Phó Trưởng phòng	02	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	10	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	07	Hạng III
	Phòng Quản lý dịch vụ cấp nước	18	
	Trưởng phòng	01	Hạng III
	Phó Trưởng phòng	02	Hạng III
	Viên chức chuyên môn, nghiệp vụ	15	Hạng III
	Chi nhánh cấp nước xã Tiến Lộc	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	LĐHD chuyên môn, nghiệp vụ	05	
	Chi nhánh cấp nước xã Thiệu Đô	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	LĐHD chuyên môn, nghiệp vụ	05	
	Chi nhánh cấp nước xã Định Long - Định Liên	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	LĐHD chuyên môn, nghiệp vụ	05	
	Chi nhánh cấp nước xã Định Tường	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV

TT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	05	
	Chi nhánh cấp nước xã Vĩnh Thành - thị trấn Vĩnh Lộc	10	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	02	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	07	
	Chi nhánh cấp nước thị trấn Vạn Hà	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	05	
	Chi nhánh cấp nước xã Vạn Thắng	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	05	
	Chi nhánh cấp nước 8 xã huyện Hoàng Hóa	31	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	02	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	28	
	Chi nhánh cấp nước 7 xã huyện Hậu Lộc	31	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	02	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	28	
	Chi nhánh cấp nước 9 xã huyện Nga Sơn	30	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	02	Hạng IV

TT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	27	
	Chi nhánh cấp xã Cẩm Vân	15	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	02	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	12	
	Chi nhánh cấp xã Nguyệt Ấn	07	
	Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	Phó Trưởng chi nhánh	01	Hạng IV
	LĐHĐ chuyên môn, nghiệp vụ	05	

2. Kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết

2.1. Kinh phí hoạt động và nguồn tài chính: Thực hiện theo Điều 11 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

a) Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

- Nguồn thu từ cung cấp nước sạch;
- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn;
- Nguồn thu lãi tiền gửi Ngân hàng.

c) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được để lại theo quy định.

d) Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2.2. Trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết:

Trung tâm được sử dụng nguyên trạng trụ sở, trang thiết bị và phương tiện làm việc đã được đầu tư của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi để sắp xếp, bố trí nhân lực cho các phòng hợp lý phục vụ thực hiện nhiệm vụ, không gây xáo trộn, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

VI. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự

1.1. Lãnh đạo Trung tâm:

Sau khi sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, số lượng lãnh đạo Trung tâm là 05 người, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý Trung tâm theo thẩm quyền, sau 03 năm kể từ ngày có quyết định sáp nhập, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định.

1.2. Phòng Tổ chức - Hành chính:

Phòng Tổ chức hành chính thành lập trên cơ sở hợp nhất Phòng Tổ chức hành chính của Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và Phòng Hành chính - Tổng hợp của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi, số lượng lãnh đạo phòng là 03 người (02 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng), Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý phòng bảo đảm đúng theo quy định.

Đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và lao động hợp đồng, Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm tiếp nhận, bố trí, sắp xếp trên cơ sở viên chức, lao động hợp đồng của 02 phòng trước khi sáp nhập, tổ chức lại theo đúng quy định.

1.3. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật:

Giữ nguyên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật của Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trước khi sáp nhập, chưa có lãnh đạo phòng (đang giao phụ trách phòng).

1.4. Phòng Tài chính - Kế toán:

Giữ nguyên Phòng Tài chính - Kế toán của Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trước khi sáp nhập, chưa có lãnh đạo phòng (đang giao phụ trách phòng).

1.5. Phòng Quản lý dự án:

Giữ nguyên Phòng Quản lý dự án của Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trước khi sáp nhập, chưa có lãnh đạo phòng (đang giao phụ trách phòng).

1.6. Phòng Quy hoạch, khảo sát và thiết kế:

Tiếp nhận nguyên trạng Phòng Quy hoạch, khảo sát và thiết kế của Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi trước khi sáp nhập.

1.7. Phòng Quản lý dịch vụ cấp nước:

Thành lập Phòng Quản lý dịch vụ cấp nước trên cơ sở đổi tên Trạm Tư vấn dịch vụ và Chuyển giao công nghệ thuộc Trung tâm, chưa có lãnh đạo phòng (đang giao phụ trách Trạm).

1.8. Đối với các Chi nhánh cấp nước trực thuộc Trung tâm:

Giữ nguyên 12 Chi nhánh cấp nước trực thuộc Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, chưa có lãnh đạo chi nhánh (đang giao phụ trách chi nhánh).

2. Phương án xử lý về tài chính, tài sản, đất đai và trụ sở làm việc

2.1. Về tài chính, tài sản: Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp nhận nguyên trạng tài chính, tài sản của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi để quản lý, sử dụng.

2.2. Về đất đai: Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp nhận nguyên trạng diện tích đất và trụ sở làm việc của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi. Nghiên cứu, bàn giao diện tích đất và nhà ở khu tập thể thủy lợi là 1.804,55m² cho UBND thành phố Thanh Hóa quản lý.

2.3. Về trụ sở làm việc: Giai đoạn đầu sau khi được sáp nhập, Trung tâm sử dụng nguyên trạng trụ sở, trang thiết bị và phương tiện làm việc đã được đầu tư của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi để sắp xếp, bố trí nhân lực cho các phòng hợp lý phục vụ thực hiện nhiệm vụ.

VII. VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

1. Về tổ chức Đảng

Sáp nhập nguyên trạng Chi bộ Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Chi bộ Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Về tổ chức đoàn thể

2.1. Sáp nhập nguyên trạng tổ chức Công đoàn Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào tổ chức Công đoàn Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2.2. Sáp nhập Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi vào Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Đoàn thanh niên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

VIII. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Phương án tổ chức thực hiện

1.1. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt Đề án, Quyết định sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn xây dựng Phương án bàn giao, tiếp nhận số lượng người làm việc, viên chức, lao động; tài chính, tài sản, trang thiết bị và các nhiệm vụ của thể để triển khai thực hiện.

1.1. Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi: Tổ chức bàn giao số lượng người làm việc, viên chức, lao động; tài chính, tài sản, trang thiết bị và các nhiệm vụ công việc đang trong quá trình thực hiện cho Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tiếp nhận, quản lý.

1.3. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn: Tổ chức thực hiện sắp xếp, bố trí, viên chức, lao động hợp đồng và tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhiệm vụ công việc và trụ sở tiếp nhận từ Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành.

2. Lộ trình triển khai hoạt động

Sau khi có Quyết định sáp nhập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, hướng dẫn Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tổ chức bàn giao, tiếp nhận viên chức, lao động hợp đồng; tài chính, tài sản, đất đai và trang thiết bị để ổn định bộ máy tổ chức của Trung tâm, dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động xong trước ngày 31/12/2023.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1. Phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh ban hành quyết định sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.

1.2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án này và đưa Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn đi vào hoạt động; tổ chức bàn giao số lượng viên chức, lao động; tài chính, tài sản và trang thiết bị của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi cho Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tiếp nhận, quản lý.

1.3. Chỉ đạo Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc, gửi Sở Nội vụ tham gia ý kiến trước khi phê duyệt để triển khai thực hiện.

2. Sở Nội vụ

2.1. Thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành quyết định sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.

2.2. Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.

2.3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức bàn giao số lượng người làm việc, viên chức, lao động; tài chính, tài sản và trang thiết bị của Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi cho Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tiếp nhận, quản lý.

2.4. Hướng dẫn, thẩm định Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến việc xử lý, bàn giao tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị; phân bổ, điều chỉnh và thực hiện dự toán kinh phí năm 2023 của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn

4.1. Tiếp nhận viên chức, người lao động; tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và hồ sơ tài liệu từ Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi chuyển sang.

4.2. Xây dựng Phương án sắp xếp, bố trí, viên chức, lao động hợp đồng tiếp nhận từ Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi và Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và trụ sở, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt để triển khai thực hiện.

4.3. Xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc, báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

4.4. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng, bố trí, sử dụng và quản lý viên chức hằng năm theo quy định.

4.5. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm nguồn thu để cân đối chi thường xuyên./.